TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mến

Bà Lê Thị Trúc Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Châu Thị L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp C, xã A, thị trấn V, tỉnh Sóc Trăng (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phước L1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Thị L trình bày và yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Phước L1 tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn,

hiện nay không còn sống chung. Nay tôi khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phước L1.

Về con chung: Tôi và anh L1 có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V sinh ngày 10/01/2019. Hiện nay tôi đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Nguyễn Phước L1:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Phước L1 nhưng anh L1 không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn với anh L1; về con chung: Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Châu Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Phước L1; anh L1 có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Châu Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Phước L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt chị L và anh L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị L và anh Nguyễn Phước L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào

ngày 10/10/2018, số 50 nên hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Chị L cho rằng từ tháng 7/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân cho đến nay nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1. Còn anh L1, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến. Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2023 ông Nguyễn Văn T và bà Trương Ngọc L2 là cha mẹ ruột của anh L1 cho biết giữa L, L1 có phát sinh mâu thuẩn và đã sống ly thân được gần 01 năm. Xét thấy, giữa chị L và anh L1 đã sống ly thân, không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1 là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L: Xử cho chị Châu Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Phước L1.

[2.2] Về con chung: Chị Châu Thị L và anh Nguyễn Phước L1 có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V sinh ngày 10/01/2019. Hiện nay Nguyễn Ngọc Tường V do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L1 không có ý kiến gởi Tòa án. Do đó, chị L yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V cho chị Châu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phước L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật là 300.000đ.

[2.5] Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Châu Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Phước L1.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V sinh ngày 10/01/2019 cho chị Châu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phước L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004127 ngày 22/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Châu Thị L đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã P, huyện T
(Giấy CNKH số 50, ngày 10/10/2018)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THÀNH LUÂN